**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

**TUẦN 18**

**Tiết 35. BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**

**Năm học 2023-2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 9**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

I-MỤC TIÊU BÀI HỌC.

Sau bài kiểm tra này HS

1. Kiến thức, kĩ năng

**a.Kiến thức**

- Hiểu nội dung kiến thức về Dân cư, kinh tế và các vùng kinh tế.

**-** HS hiểu được kiến thức địa lí trong học kì I

- Biết và vận dụng kiến thức vào làm bài kiểm tra

**b. Kĩ năng:** Kỹ năng vẽ biểu đồ : Phân tích số liệu, t­ư duy liên hệ, tổng hợp so sánh

**2. Định hướng phát triển phẩm chất, năng lực***:*

*\*Phẩm chất:* Ý thức tự giác ,độc lập khi làm bài kiểm tra

*\*Năng lực chung:* NL giải quyết vấn đề, NL tính toán, NL tự học

*\*Năng lực chuyên biệt*:Sử dụng số liệu thống kê, tư duy tổng hợp theo lãnh thổ

**3. Xác định hình thức kiểm tra:**

Hình thức tự luận. kết hợp với trắc nghiệm khách quan

**II. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên** **chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| **Chủ đê 1****Địa lí****dân cư** | Trình bày được một số đặc điểm dân số nước ta |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số câu số điểm tỉ lệ | 10.250,25% |  |  |  |  |  |  |  | 10.250,25% |
| **Chủ đề 2****Địa lí****kinh tế** | Trình bày được tình hình phát triển và 1 số thành tựu của sản xuất công nghiệp- dịch vụ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số câu số điểm tỉ lệ | 4110% |  |  |  |  |  |  |  | 4110% |
| **Chủ đề 3****Phân hoá lãnh thổ** | Nhận biêt được đặc trưng về vị trí, tài nguyên và một số thế mạnh KT ( CN, NN, DV ) của các vùng KT nước ta |  | Hiểu về đặc điểm tự nhiên của vùng Tây Nguyên |  |  | Biết xử lí số liệu, vẽ và phân tích biểu đồ về bình quân đất nông nghiệp của vùng ĐBSH so với cả nước |  | - Hiểu và giải thích được đặc điểm của cây cà phê giữa 2 vùng ĐBSH và Tây Nguyên |  |
| Số câu số điểm tỉ lệ | 62,2520,25% |  | 12,520,5% |  |  | 12,525% |  | 11,515% | 98,7580,75% |
| Tổng số câu tổng số điểm tỉ lệ | 12660% |  |  |  |  | 12,52,5%15% |  |  | 1410100% |

**III. ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ**

**A. Phần trắc nghiệm** (6điểm)

***Khoanh tròn chữ cái đứng đầu câu ý em cho là đúng nhất:***

**Câu 1**: Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có sự thay đổi như sau .

A. Tỉ lệ trẻ em giảm xuống

B. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động tăng lên

C .Tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng lên

D. Tất cả đều đúng

**Câu 2**:Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm gồm các phân ngành chính

1. Chế biến sản phẩm trồng trọt

A .Chế biến sản phẩm chăn nuôi, thực phẩm đông lạnh, đồ hộp…

C .Chế biến thủy sản

D .Tất cả các ý trên đều đúng

**Câu 3**: Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng lớn đến sự phát triển và sự phân bố công nghiệp là.

 A. địa hình

 B. nguồn nguyên nhiên liệu.

 C. vị trí địa lý

 D. khí hậu .

 **Câu 4:** Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Quảng Ninh là:

 A. than

 B. nhiệt điện

 C. hóa dầu,

 D. thuỷ điện.

 **Câu 5**: Khối lượng vận chuyển hàng hoá bằng loại hình GTVT nào nhiều nhất?

1. Đường bộ
2. Đường sắt

 C. Đương sông

 D. Đường biển.

**Câu 6**: Ngành công nghiệp quan trọng nhất của vùng Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ là:

 A. Cơ khí, điện tử

 B. Khai khoáng, thuỷ điện

 C. Hoá chất, chế biến lâm sản

 D. Vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng.

**Câu 7**: So với các vùng khác về sản xuất nông nghiệp, Đồng bằng Sông Hồng là vùng có:

1. Sản lượng lúa lớn nhất
2. Xuất khẩu nhiều nhất

 C. Năng suất cao nhất

 D. Bình quân lương thực cao nhất.

**Câu 8**:Vị trí của vùng Bắc Trung bộ có ý nghĩa trong việc phát triển kinh tế, xã hội là:

 A. Giáp Lào

 B. Giáp Đồng bằng Sông Hồng

 C. Cầu nối Bắc – Nam

 D .Giáp biển

**Câu 9**: Những quần đảo nào trực thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ:

 A . Hoàng Sa

 B. Trường Sa

 C. Phú Quốc

 D. Cả Hoàng Sa và Trường Sa.

**Câu 10** :Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Tây Nguyên là:

 A. Phù sa cổ

 B. Mùn núi cao

 C. Phù sa

 D. Đất đỏ Bazan

**Câu 11** : Hãy nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp: 1đ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A: Các địa điểm du lịch** | **Nối** | **Cột B: Vùng Kinh tế** |
| 1.Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Mũi Né.2.Vịnh Hạ Long, Bãi Cháy, Hang Pắcpó3.Phong Nha Kẻ Bàng, cố đô Huế, Cửa Lò.4.Buôn Đôn, Hồ Xuân Hương, Hồ Tơ Nưng. | 1+2+3+4+ | a.Trung du và miền núi Bắc Bộ.b. Đồng bằng Sông Hồngc. Bắc Trung Bộd. Duyên hải Nam Trung Bộ.e. Tây Nguyên |

 **Câu 12: (2,5đ**) Điền tiếp từ và cụm từ vào chỗ trống để hoàn thiện đoạn thông tin sau

 Tây Nguyên là vùng (1) …………………. nước ta không giáp biển. Có địa hình (2)………………………… xếp tầng. Có khí hậu (3)………………...................... Những cây trồng quan trọng nhất là (4)……………………………………. Cây (5) …………… . là cây công nghiệp được trồng nhiều nhất ở (6) ………………… Tây Nguyên là vùng xuất khẩu nông sản đứng thứ (7)……… cả nước. Du lịch (8) ………………. và du lịch (9) …………………… có điều kiện để phát triển thuận lợi. Nổi bật nhất là thành phố (10) ……………………..

**B. Phần tự luận :** (4 điểm)

**Câu 1:** (2,5 điểm) Dựa vào bảng số liệu sau:

Bảng: Diện tích đất nông nghiệp, dân số của cả nước và đồng bằng sông Hồng (2019).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  Đặc điểmVùng | Đất nông nghiệp(nghìn ha) | Dân số (triệu người) | Bình quân đất nông nghiệp theo đầu người (ha/người)  |
| Cả nước | 27289,4 | 96,5 | ? |
| Đồng bằng sông Hồng | 760,0 | 22,5 | ? |

 *(Nguồn niên giám thống kê năm 2020)*

1. Tính bình quân đất nông nghiệp theo đầu người ở đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2019 (ha/người)
2. Vẽ biểu đồ cột thể hiện bình quân đất nông nghiệp theo đầu người ở đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2019
3. Nêu nhận xét

 **Câu 2** : (1,5 điểm) Cho tình huống sau: Bác Phạm Quang Dũng ở Hải Phòng khi xem chương trình tấm gương sản xuất giỏi trên ti vi. Bác thấy bác Vũ Khánh Nam ở Gia Lai mỗi năm trồng cà phê trừ chi phí lãi hàng trăm triệu đồng. Thấy vậy, bác Dũng muốn phá lúa để trồng cà phê. Trước tình huống trên em xử lí như thế nào?

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ**

**A.Phần trắc nghiệm khách quan** ( 6 điểm) :

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | D | D | B | B | A | B | C | D | D | D |

Câu 11: 1 – d ; 2 – a ; 3 – c ; 4 – e

Câu 12 :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 |  Duy nhất | 6 | Đắk Lắk |
| 2 | Cao nguyên | 7 | Hai |
| 3 | Cận xích đạo | 8 | Sinh thái |
| 4 | Cà phê, cao su, điều | 9 | Văn hóa |
| 5 | Cà phê | 10 | Đà Lạt |

**B. Phần tự luận: (4đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Câu hỏi*** | ***Đáp án*** | ***Biểu điểm*** |
| ***Câu 1***(2,5 điểm) |  Xử lí số liệu Bảng: Bình quân đất nông nghiệp theo đầu người của cả nước và đồng bằng sông Hồng ( 2019) ha/người.

|  |  |
| --- | --- |
| Vùng | Bình quân đất nông nghiệp theo đầu người (ha/người) |
| Cả nước | 0,28 |
| Đồng bằng sông Hồng | 0,03 |

- Vẽ biểu đồ cột: chính xác tỉ lệ ,có tên biểu đồ, chú giải.- Nhận xét:+ Bình quân đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng (0,03 ha/người) thấp hơn nhiều so với cả nước (0,28 ha/người)+ Bình quân đất nông nghiệp của cả nước gấp 9,3 lần đồng bằng sông Hồng + Sở dĩ như vậy là do: Qúa trình đô thị hóa và công nghiệp hóa ở Đồng bằng sông Hồng đang diễn ra mạnh mẽ, là nơi có số dân đông nhất so với các vùng của cả nước, trong khi diện tích đất nông nghiệp đang dần bị thu hẹp (xây dựng nhà máy, khu dân cư, đường giao thông...) | 0,51,00,250,250,5 |
| ***Câu 2***(1,5 điểm) | - Trước tình hình đó em sẽ khuyên bác Dũng không nên phá cây lúa để trồng cây caphe vì: Cây cà phê chỉ thích hợp với điều kiện sinh thái là: địa hình cao nguyên, đất đỏ bazan tơi xốp, tầng đất dày có khả năng thoát nước tốt và có độ dốc.- Ở đồng bằng sông Hồng bác đang ở đất là địa hình đồng bằng chủ yếu là đất phù sa, khí hậu có mùa đông lạnh không thích hợp trồng cây cà phê mà chỉ thích hợp trồng cây lúa, rau hoa màu vụ đông sẽ đem lại hiệu qủa kinh tế cao. | 0,750,75 |

 *Tây Hưng, ngày 20 tháng 12 năm 2023*

**BAN GIÁM HIỆU TỔ CHUYÊN MÔNGIÁO VIÊN**

 ***Hoàng Thị Định***

 ***Vũ Thị Hương Giang***